TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2018/QĐKDTM-ST Ngày 29-8-2018 V/v công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Bà Trương Minh Huế - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Bà Đào Mai Anh - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên họp: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2018/TLST-VKDTM ngày 15 tháng 8 năm 2018 về yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án theo Quyết định mở phiên họp số: 39/2018/QĐST-VKDTM ngày 21 tháng 8 năm 2018.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q (gọi tắt là VAMC); địa chỉ trụ sở: Số 22 H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của VAMC: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là SHB); địa chỉ trụ sở: Số 77, T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của SHB: Ông Đào Việt A, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; Chức vụ: Tổ trưởng Phòng xử lý nợ SHB Chi nhánh Hải Phòng (Theo Văn bản ủy quyền số 200/UQ-TGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017); có mặt.

- Công ty Cổ phần Vật tư Máy tàu thủy A (gọi tắt là Công ty A); địa chỉ trụ sở: Số 512, Đại lộ T, thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty A: Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1976, nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; Chức vụ: Giám đốc Công ty A; Có mặt.

- Ông Trần Văn P, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1966; đều có nơi cư trú: Số 510, Đại lộ T, thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng và đều có mặt.

2. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

Theo đơn yêu cầu, trong quá trình tố tụng và tại phiên họp, người yêu cầu là người đại diện theo ủy quyền của VAMC ông Đào Việt A trình bày:

Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội được sáp nhập vào Ngân hàng TMCP S (gọi chung là SHB) theo Quyết định số: 1559/QĐ-NHNN ngày 07 tháng 8 năm 2012 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam đã ký các Hợp đồng tín dụng cho Công ty A vay vốn hoạt động kinh doanh, cụ thể như sau:

* Khoản vay 1: Công ty A vay vốn đóng tàu chở dầu A 16.

Ngày 17 tháng 3 năm 2008, SHB và Công ty A ký Hợp đồng tín dụng đầu tư số 0802HP001/HĐTD. Theo nội dung hợp đồng tín dụng, SHB cho Công ty A vay số tiền 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng) với mục đích vay để thực hiện đầu tư dự án đóng mới tầu chở hàng khô/HT-169 trọng tải 5.300DWT cấp tầu biển quốc tế không hạn chế *VRH (BC-XII); thời hạn cho vay là 144 tháng kể từ ngày bên vay rút tiền lần đầu tiên; lãi suất cho vay 17,3%/năm; lãi suất vay trong hạn áp dụng cho các khoản rút tiền vay tiếp theo sẽ tuỳ thuộc vào từng thời điểm rút tiền vay của bên vay và bằng lãi suất cơ bản của SHB công bố tại thời điểm rút tiền vay (+) biên độ (theo kết quả xếp hạng khách hàng của SHB tại thời điểm rút tiền vay).

Tài sản bảo đảm cho khoản vay gồm:

- Tài sản hình thành trong tương lai là: Tầu chở hàng khô/HT-169 trọng tải 5.300DWT cấp tầu biển quốc tế không hạn chế *VRH (BC-XII).

- Quyền sử dụng 77m^2 đất thổ cư và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 224B, tờ bản đồ số 5, thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Trần Văn P, bà Phạm Thị Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0514264, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01139QSDĐ do UBND huyện A1 (nay là UBND huyện A), thành phố Hải Phòng cấp ngày 26 tháng 8 năm 1995 đứng tên chủ sử dụng đất ông Trần Văn P. Việc thế chấp đã được lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba ngày 17 tháng 3 năm 2008. Các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng thế chấp là SHB, Công ty A, ông Trần Văn P và bà Phạm Thị Đ, hợp đồng đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình đóng tàu, ngày 23 tháng 4 năm 2009, Công ty A có đơn đề nghị SHB cho chuyển đổi tàu chở hàng khô/HT-169 trọng tải 5.300DWT nêu trên thành tàu chuyên dụng chở xăng dầu - cấp tàu không thay đổi; đề xuất vay thêm số tiền 22.000.000.000 đồng và kéo dài thời gian ân hạn.

Ngày 05 tháng 5 năm 2009, SHB và Công ty A có ký Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 0904HP010/HĐTD-TDH/2009 (tiếp nối và là một phần không tách rời của Hợp đồng tín dụng đầu tư số 0802HP001/HĐTD ngày 17 tháng 3

năm 2008) cho vay bổ sung thêm vốn để Công ty A đầu tư chuyển đổi tàu chở hàng khô/HT-169 trọng tải 5.300DWT thành tàu chuyên dụng chở xăng dầu (sau này đặt tên tàu là A 16). Theo nội dung hợp đồng, SHB cho Công ty A vay số tiền 92.000.000.000 đồng (Chín mươi hai tỷ đồng), trong đó đã bao gồm 70.000.000.000 đồng của Hợp đồng tín dụng số 0802HP001/HĐTD ngày 17 tháng 3 năm 2008, mục đích vay vốn để đầu tư vốn đóng tầu chở dầu trọng tải 6.000 tấn; thời hạn vay 144 tháng, kể từ ngày 19 tháng 3 năm 2008 đến 19 tháng 3 năm 2020, Lãi suất vay: 10,5%/năm. Điều chỉnh lãi suất vay trong hạn định kỳ 03 tháng/lần kể từ ngày giải ngân của từng khoản vay.

Tài sản bảo đảm của khoản vay:

- Tài sản hình thành trong tương lai: Tầu chở dầu HT-169 (A 16) được đóng mới theo thiết kế được phê duyệt của Cơ quan đăng kiểm Việt Nam số: 770/07QP ngày 11 tháng 12 năm 2007 và Thiết kế sửa đổi số: 0070/09QP ngày 29 tháng 4 năm 2009. Ngày 08 tháng 9 năm 2010, Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực Hải Phòng đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số VN-3179-TD cho tàu A 16, Hô hiệu/Số IMO: 3WAH9/9561681, chủ tàu: Công ty A. Việc thế chấp tài sản đã được lập Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay ngày 17 tháng 3 năm 2008 và Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản ngày 18 tháng 3 năm 2014. Các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng thế chấp là SHB và Công ty A, hợp đồng đã được công chứng và đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật.

- Quyền sử dụng 77m^2 đất thổ cư và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 224B, tờ bản đồ số 5, thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Trần Văn P, bà Phạm Thị Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0514264, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01139QSDĐ do UBND huyện A1 (nay là UBND huyện A), thành phố Hải Phòng cấp ngày 26 tháng 8 năm 1995 đứng tên chủ sử dụng đất ông Trần Văn P. Việc thế chấp đã được lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba ngày 17 tháng 3 năm 2008. Các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng thế chấp là SHB, Công ty A, ông Trần Văn P và bà Phạm Thị Đ, hợp đồng đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

* Khoản vay 2: Công ty A vay vốn mua tàu A 36.

Ngày 18 tháng 7 năm 2008, SHB và Công ty A ký kết Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 0805HP002/HĐTD. Theo nội dung hợp đồng, SHB cho Công ty A vay số tiền 16.000.000.000 đồng (Mười sáu tỷ đồng); mục đích vay vốn đầu tư mua tầu và sửa chữa tàu Thành An 18 trọng tải 1.952 tấn; sau khi dự án mua tàu được thực hiện xong, tầu Thành An 18 sẽ được đổi tên là A 36; thời hạn vay: 96 tháng; lãi suất vay: 17%/năm; lãi suất vay áp dụng cho các khoản rút tiền vay sau bẩy ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng sẽ tùy thuộc vào từng thời điểm rút tiền vay cộng biên độ cho vay của SHB công bố tại thời điểm rút tiền vay. Mức lãi suất vay trong hạn sẽ được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ.

Tài sản bảo đảm của khoản vay gồm:

- Tài sản hình thành trong tương lai: Tầu Công ty A mua theo dự án "Đầu tư mua tầu và sửa chữa tàu Thành An 18 trọng tải 1.952 tấn; sau khi dự án được thực hiện xong, tầu Thành An 18 sẽ được đổi tên là A 36". Ngày 10 tháng 9 năm 2008, Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực Hải Phòng đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển số VN-2669-VT cho tàu A 36 trọng tải 1.952,5 tấn, chủ sở hữu Công ty A.

- Quyền sử dụng 168m^2 đất ở và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 965A, tờ bản đồ số 19, thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Trần Văn P bà Phạm Thị Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC757903, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02070 do UBND huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 31 tháng 12 năm 2007 đứng tên chủ sử dụng đất ông Trần Văn P và bà Phạm Thị Đ. Việc thế chấp đã được lập Hợp đồng thế chấp ngày 30 tháng 9 năm 2008. Các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng thế chấp là SHB, Công ty A, ông Trần Văn P và bà Phạm Thị Đ, hợp đồng đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện ba hợp đồng tín dụng nêu trên, SHB đã giải ngân cho Công ty A vay tổng số tiền là: 108.000.000.000 đồng (Một trăm linh tám tỷ đồng). Công ty A đã nhận đủ số tiền đã vay nhưng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo cam kết với SHB và khoản vay bị chuyển nhóm nợ quá hạn từ tháng 01 năm 2015. Khi Công ty A gặp khó khăn, SHB đã cơ cấu nợ đối với các khoản vay, nhưng Công ty A vẫn không thực hiện được; ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của SHB. SHB đã giải chấp 01 tài sản thế chấp là tầu A 36 trọng tải 1.952,5 tấn để Công ty A chủ động xử lý tài sản trả nợ vay.

Ngày 20 tháng 05 năm 2015, SHB đã bán toàn bộ các khoản nợ của Công ty A cho Công ty TNHH MTV Q (VAMC) theo Hợp đồng mua, bán nợ số 2058/2015/MBN.VAMC2-SHB. Đồng thời, SHB nhận ủy quyền từ VAMC tiếp tục thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của chủ nợ đối với Công ty A theo Hợp đồng ủy quyền số 2059/2015/UQ.VAMC2-SHB ngày 20 tháng 05 năm 2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 2651/2016/UQ2/VAMC2-SHB ngày 29 tháng 07 năm 2016.

Từ thời điểm phát sinh khoản vay đến ngày 25 tháng 7 năm 2018, Công ty A đã trả được số tiền là: 101.378.295.310 đồng, trong đó số nợ gốc đã trả là: 36.461.500.000 đồng, số nợ lãi đã trả là: 64.916.795.310 đồng.

Tính đến hết ngày 25 tháng 7 năm 2018, Công ty A còn nợ VAMC số tiền 181.080.065.863 đồng, trong đó: nợ gốc là 71.538.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 70.222.458.143 đồng, lãi quá hạn là 362.359.523 đồng, lãi phạt 38.956.748.197 đồng.

Cụ thể như sau:

- Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng đầu tư số 0802HP001/HĐTD ngày 17 tháng 3 năm 2008 và Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 0904HP010/HĐTD-TDH/2009 ngày 05 tháng 5 năm 2009 là: 174.743.248.554 đồng, trong đó: nợ

gốc là 67.618.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 68.400.278.728 đồng, lãi quá hạn là 279.320.390 đồng, phí phạt chậm trả lãi là 38.445.649.436 đồng.

- Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 0805HP002/HĐTD ngày 18 tháng 7 năm 2008 là: 6.253.778.176 đồng, trong đó: Nợ gốc là 3.920.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.822.179.415 đồng, nợ lãi quá hạn là 83.039.133 đồng, phí phạt chậm trả lãi là 511.098.761 đồng.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018, tại Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân huyện A, VAMC, Công ty A, ông Trần Văn P và bà Phạm Thị Đ đã thỏa thuận hòa giải thành và cùng có đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án với nội dung sau:

- Về số nợ: Tính đến hết ngày 25 tháng 7 năm 2018, Công ty A còn nợ VAMC số tiền 181.080.065.863 đồng, trong đó: nợ gốc 71.538.500.000 đồng, lãi trong hạn 70.222.458.143 đồng, lãi quá hạn 362.359.523 đồng, lãi phạt 38.956.748.197 đồng theo các Hợp đồng tín dụng đầu tư số 0802HP001/HĐTD ngày 17 tháng 3 năm 2008, Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 0805HP002/HĐTD ngày 18 tháng 7 năm 2008 và Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 0904HP010/HĐTD-TDH/2009 ngày 05 tháng 5 năm 2009.

VAMC chỉ yêu cầu Công ty A trả số tiền 142.123.317.666 đồng, trong đó: nợ gốc 71.538.500.000 đồng, lãi trong hạn 70.222.458.143 đồng, lãi quá hạn 362.359.523 đồng và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng từ ngày 26 tháng 7 năm 2018 cho đến khi Công ty A trả xong toàn bộ khoản nợ gốc.

VAMC không yêu cầu Công ty A trả số tiền lãi phạt là 38.956.748.197 đồng.

- Về trách nhiệm trả nợ: Công ty A có trách nhiệm trả cho VAMC số tiền 142.123.317.666 đồng, trong đó: nợ gốc 71.538.500.000 đồng, lãi trong hạn 70.222.458.143 đồng, lãi quá hạn 362.359.523 đồng và số tiền lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng số đầu tư số 0802HP001/HĐTD ngày 17 tháng 3 năm 2008, Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 0805HP002/HĐTD ngày 18 tháng 7 năm 2008 và Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 0904HP010/HĐTD-TDH/2009 ngày 05 tháng 5 năm 2009 kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2018 cho đến khi Công ty A trả xong toàn bộ khoản nợ gốc.

Công ty A có trách nhiệm trả cho VAMC toàn bộ khoản nợ trên ngay sau khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về việc xử lý tài sản bảo đảm: Trong trường hợp Công ty A không trả được số tiền nợ gốc và lãi nêu trên thì VAMC có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp gồm:

+ Tàu A 16, hô hiệu/Số IMO: 3WAH9/9561681; trọng tải toàn phần: 5645.3 MT; loại tàu: M. Tàu chở dầu; Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số: VN-3179-TD do Cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng cấp ngày 08 tháng 9 năm 2010, chủ sở hữu Công ty A.

+ Quyền sử dụng 77m^2 đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 224B, tờ bản đồ số 5, địa chỉ thửa đất: Thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Trần Văn P và bà Phạm Thị Đ, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0514264, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01139QSDĐ do UBND huyện A1 (nay là huyện A), thành phố Hải Phòng cấp ngày 26 tháng 8 năm 1995 đứng tên chủ sử dụng đất ông Trần Văn P.

+ Quyền sử dụng 168m^2 đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 965A, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thửa đất: tại thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Trần Văn P bà Phạm Thị Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC757903, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02070 do UBND huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày ngày 31 tháng 12 năm 2007 đứng tên chủ sử dụng đất ông Trần Văn P và bà Phạm Thị Đ.

Trường hợp số tiền phát mại từ các tài sản bảo đảm nêu trên để thực hiện các nghĩa vụ trả nợ của Công ty A đối với Ngân hàng còn thừa thì VAMC có trách nhiệm trả lại cho bên thế chấp là Công ty A, ông Trần Văn P và bà Phạm Thị Đ theo quy định của pháp luật. Nếu thiếu thì Công ty A phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Về lệ phí: Công ty A chịu cả lệ phí giải quyết việc dân sự.

Theo đơn yêu cầu, trong quá trình tố tụng và tại phiên họp, người yêu cầu là người đại diện theo pháp luật của Công ty A ông Nguyễn Hoàng H và ông Trần Văn P, bà Phạm Thị Đ đều có quan điểm thống nhất với quan điểm của Người đại diện theo ủy quyền của VAMC về các nội dung trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc giải quyết yêu cầu của người yêu cầu: Đề nghị Tòa án căn cứ các điều 417, 419 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận đơn yêu cầu của VAMC, Công ty A, ông Trần Văn P và bà Phạm Thị Đ về việc đề nghị Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án huyện A. Công ty A phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện A nhận định:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ việc: Đây là việc dân sự: "Yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án", nên theo quy định tại khoản 7, Điều 27; điểm s, khoản 2, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

- Xét yêu cầu của người yêu cầu: Các bên tham gia thỏa thuận hòa giải có đầy đủ thẩm quyền và năng lực hành vi dân sự; có quyền, nghĩa vụ đối với nội dung thỏa thuận hòa giải; nội dung thỏa thuận hòa giải thành của các bên là hoàn

toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba; các bên tham gia thỏa thuận hòa giải đều có đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả thỏa thuận hòa giải nên thỏa thuận của các bên đương sự được Tòa án chấp nhận.

- Về lệ phí: Các đương sự đã thỏa thuận Công ty A phải chịu cả lệ phí việc dân sự nên Công ty A phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự để sung vào ngân sách Nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 7, Điều 27; điểm s, khoản 2, Điều 39; các điều 143, 149, 367; 369; 370, 417; 419 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6; khoản 1, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Công nhận đơn yêu cầu của VAMC, Công ty A, ông Trần Văn P và bà Phạm Thị Đ về việc đề nghị Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án với các nội dung sau:

- Về số nợ: Tính đến hết ngày 25 tháng 7 năm 2018, Công ty A còn nợ VAMC số tiền 181.080.065.863 đồng, trong đó: nợ gốc 71.538.500.000 đồng, lãi trong hạn 70.222.458.143 đồng, lãi quá hạn 362.359.523 đồng, lãi phạt 38.956.748.197 đồng theo các Hợp đồng tín dụng đầu tư số 0802HP001/HĐTD ngày 17 tháng 3 năm 2008, Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 0805HP002/HĐTD ngày 18 tháng 7 năm 2008 và Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 0904HP010/HĐTD-TDH/2009 ngày 05 tháng 5 năm 2009.

VAMC chỉ yêu cầu Công ty A trả số tiền 142.123.317.666 đồng (Một trăm bốn mươi hai tỷ một trăm hai mươi ba triệu ba trăm mười bẩy nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó: nợ gốc 71.538.500.000 đồng, lãi trong hạn 70.222.458.143 đồng, lãi quá hạn 362.359.523 đồng và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 26 tháng 7 năm 2018 cho đến khi Công ty A trả xong toàn bộ khoản nợ gốc.

VAMC không yêu cầu Công ty A trả số tiền lãi phạt là 38.956.748.197 đồng.

- Về trách nhiệm trả nợ: Công ty A có trách nhiệm trả VAMC số tiền 142.123.317.666 đồng (Một trăm bốn mươi hai tỷ một trăm hai mươi ba triệu ba trăm mười bẩy nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó: nợ gốc 71.538.500.000 đồng, lãi trong hạn 70.222.458.143 đồng, lãi quá hạn 362.359.523 đồng và số tiền lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đầu tư số 0802HP001/HĐTD ngày 17 tháng 3 năm 2008, Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 0805HP002/HĐTD ngày 18 tháng 7 năm 2008 và Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 0904HP010/HĐTD-TDH/2009 ngày 05 tháng 5 năm 2009 kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2018 cho đến khi Công ty A trả xong toàn bộ khoản nợ gốc.

Công ty A có trách nhiệm trả cho VAMC toàn bộ khoản nợ trên ngay sau khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về việc xử lý tài sản bảo đảm:

Trong trường hợp Công ty A không trả được số tiền nợ gốc và lãi nêu trên thì VAMC có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp gồm:

+ Tàu A 16, hô hiệu/Số IMO: 3WAH9/9561681; trọng tải toàn phần: 5645.3 MT, loại tàu: M. Tàu chở dầu, Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số: VN-3179-TD do cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng cấp ngày 08 tháng 9 năm 2010 cho chủ sở hữu Công ty Cổ phần Vật tư Máy tàu thủy A.

+ Quyền sử dụng 77m^2 đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 224B, tờ bản đồ số 5, địa chỉ thửa đất: Thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Trần Văn P, bà Phạm Thị Đ, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0514264, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01139QSDĐ do UBND huyện A1 (nay là huyện A), thành phố Hải Phòng cấp ngày 26 tháng 8 năm 1995 đứng tên chủ sử dụng đất ông Trần Văn P.

+ Quyền sử dụng 168m^2 đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 965A, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thửa đất: Thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Trần Văn P, bà Phạm Thị Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC757903, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02070 do UBND huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 31 tháng 12 năm 2007 đứng tên chủ sử dụng đất ông Trần Văn P và bà Phạm Thị Đ.

Trường hợp số tiền phát mại từ các tài sản bảo đảm nêu trên để thực hiện các nghĩa vụ trả nợ của Công ty A đối với Ngân hàng còn thừa thì VAMC có trách nhiệm trả lại cho bên thế chấp là Công ty A, ông Trần Văn P và bà Phạm Thị Đ theo quy định của pháp luật. Nếu thiếu thì Công ty A phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Về lệ phí: Công ty A phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Công ty A đã nộp số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 15283 ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nên Công ty A không phải nộp nữa.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THA dân sự huyện A;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN

Trương Minh Huế